

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm trong giằng co suốt phiên sáng. Sang đến phiên chiều, khi chỉ số giảm xuống ngưỡng 1,875, lực cầu bắt đáy đã đẩy chỉ số tăng trở lại và đóng cửa tại mốc 1,896.59 điểm, tăng hơn 17 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 13/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Hóa chất, Hàng cá nhân & gia dụng. Ở chiều ngược lại, ngành Bảo hiểm giảm mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên hai sàn còn lại. VN-Index đang dần thu hẹp biên độ dao động và hình thành nền giá trong vùng 1,870 – 1,900.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 411IG3000.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 19/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+17.46** điểm, đóng cửa tại **1896.59** điểm. HNX-Index **+2.67** điểm, đóng cửa tại **254.95** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+3.49)**, **GAS (+3.27)**, **GVR (+1.89)**, **BID (+1.37)**, **VPB (+1.30)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HVN (-0.76)**, **VCB (-0.53)**, **MSN (-0.38)**, **SAB (-0.37)**, **BVH (-0.37)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **26,571** tỷ đồng, giảm **-20.37%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 37,657 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 23.55 điểm. Thị trường có **167** mã tăng, 57 mã tham chiếu, **153** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **501.99** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **GAS (123.61 tỷ)**, **PLX (117.86 tỷ)**, **CTG (117.12 tỷ)**, **HPG (91.63 tỷ)**, **KBC (80.49 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-7.72** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.70%**. Các mã diễn biến tích cực:
KBC (+6.74%)
BSR (+3.23%)
PVS (+2.60%)
- BSC50 **+0.90%**. Các mã diễn biến tích cực:
IDC (+9.92%)
PLX (+6.92%)
PNJ (+6.04%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.70%	0.90%	0.93%	0.67%
1 tuần	1.67%	2.18%	1.03%	0.67%
1 tháng	11.98%	5.57%	11.28%	8.33%
3 tháng	12.13%	2.58%	14.02%	9.31%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,896.59	254.95	126.36
% 1D	0.93%	1.06%	-0.55%
GTKL (tỷ VND)	26,571	1,743	951
%1D	-20.37%	-14.75%	-55.38%
GDNN (tỷ VND)	501.99	-7.72	-4.05

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GAS	123.61	HCM	-133.55
PLX	117.86	VRE	-79.03
CTG	117.12	MSN	-66.03
HPG	91.63	MWG	-47.27
KBC	80.49	E1VFN30	-44.93

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	%D	%W
SPX	-0.06%	-0.38%
FTSE100	-0.18%	0.75%
Eurostoxx	-0.96%	-1.04%
Shanghai	0.29%	-1.23%
Nikkei	-0.65%	3.21%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

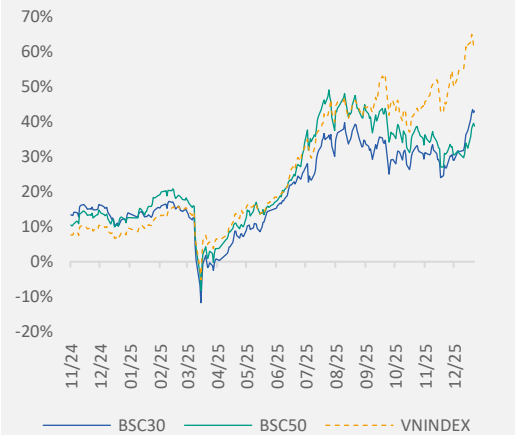
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	63.36	-1.21%
Giá vàng	4,667	1.72%

Tỷ giá		
USD/VND	26,388	0.00%
EUR/VND	31,301	0.10%
JPY/VND	171	1.18%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	6.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

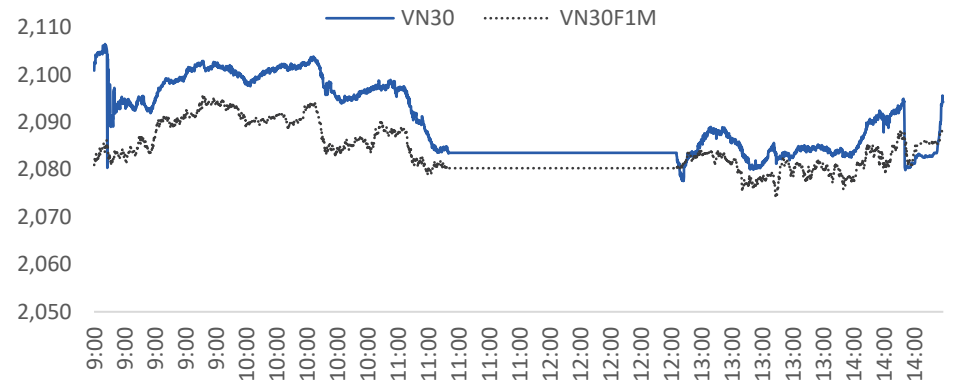
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G2000	2088.90	0.37%	237,082	-14.3%	13/02/2026	25
41I1G6000	2083.00	0.29%	101	676.9%	18/06/2026	150
41I1G9000	2075.00	0.01%	38	-7.3%	17/09/2026	241
41I1G3000	2088.50	-0.20%	547	-20.61%	19/03/2026	59

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +13.89 điểm, đóng cửa tại 2094.24 điểm. Biên độ dao động 26.70 điểm. Các cổ phiếu như VPB, VIC, TCB, VNM, MBB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán xuất hiện từ cuối phiên sáng kéo VN30 về gần mức tham chiếu. Tuy nhiên, chỉ số đã bật lên từ giữa phiên chiều và đóng cửa trong sắc xanh. Thanh khoản thị trường sụt giảm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 41I1G3000. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ 41I1G6000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTPB2507	24/02/2026	36	109,900	22.07%	20.97	110	83.3%	0.02	21.18	17.35	17.35
CVPB2529	9/02/2026	21	61,500	28.03%	37.80	160	60.0%	0.00	37.96	29.65	29.65
CACB2601	19/06/2026	151	100	14.50%	25.00	1,870	27.2%	1.02	28.74	25.10	25.10
CSTB2534	9/02/2026	21	100	24.22%	71.70	360	20.0%	0.02	72.42	58.30	58.30
CVPB2526	25/06/2026	157	449,500	18.52%	32.60	1,270	15.5%	0.85	35.14	29.65	29.65
CVPB2530	11/05/2026	112	24,200	30.32%	37.80	840	15.1%	0.33	38.64	29.65	29.65
CLPB2509	25/06/2026	157	5,100	45.01%	56.33	490	14.0%	0.10	60.25	41.55	41.55
CVPB2525	25/03/2026	65	426,500	11.91%	31.70	740	13.8%	0.49	33.18	29.65	29.65
CVNM2509	23/02/2026	35	349,800	1.80%	66.48	730	12.3%	0.67	71.87	70.60	70.60
CVHM2601	19/06/2026	151	2,000	13.76%	99.00	5,400	12.0%	3.70	142.20	125.00	125.00
CVPB2502	26/03/2026	66	277,000	1.39%	20.44	4,940	11.8%	4.82	30.06	29.65	29.65
CVPB2510	23/02/2026	35	12,300	1.41%	23.04	3,610	10.7%	3.45	30.07	29.65	29.65
CVPB2527	8/06/2026	140	1,420,000	29.38%	36.20	720	9.1%	0.24	38.36	29.65	29.65
CMWG2517	25/05/2026	126	2,000	8.08%	76.40	1,950	8.3%	1.57	93.70	86.70	86.70
CACB2513	9/03/2026	49	883,300	6.93%	25.00	920	8.2%	0.56	26.84	25.10	25.10
CVPB2518	3/02/2026	15	400	-0.04%	21.00	2,160	8.0%	2.17	29.64	29.65	29.65
CMBB2519	9/03/2026	49	1,176,600	5.96%	26.60	1,270	7.6%	0.92	29.14	27.50	27.50
CVNM2503	26/03/2026	66	375,100	2.51%	63.21	2,000	7.5%	1.81	72.37	70.60	70.60
CMBB2504	26/03/2026	66	7,200	1.32%	17.59	7,880	7.2%	7.72	27.86	27.50	27.50
CMSN2518	4/05/2026	105	30,100	21.57%	90.00	750	7.1%	0.30	97.50	80.20	80.20

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***:

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 19/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CTPB2507 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 83.33%. CVNM2515 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 4.96%.
 - CVHM2521, CVRE2526, CDGC2501, CVRE2525, CSSB2509 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2511, CVHM2512 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	162.00	1.31%	3.49	7.73
GAS	105.80	6.01%	3.27	2.41
GVR	38.00	5.85%	1.89	4.00
BID	52.00	1.76%	1.37	7.02
VPB	29.65	2.60%	1.30	7.93

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	157.30	8.33%	1.46	0.20
IDC	43.20	9.92%	0.91	0.38
BAB	13.90	8.59%	0.67	1.00
PVS	39.50	2.60%	0.29	0.51
KSF	65.40	0.62%	0.20	0.90

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TNT	8.87	7.00%	0.01	0.57
LGC	59.90	6.96%	0.19	0.00
PLX	55.60	6.92%	1.08	11.84
TYA	18.60	6.90%	0.01	0.23
TCO	9.46	6.89%	0.00	0.09

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMS	48.50	9.98%	0.18	0.02
PLC	29.80	9.96%	0.99	1.54
TET	44.20	9.95%	0.10	0.00
IDC	43.20	9.92%	6.74	10.75
VSM	15.90	9.66%	0.03	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	28.30	-4.07%	-0.76	3.11
VCB	72.70	-0.41%	-0.53	8.36
MSN	80.20	-1.47%	-0.38	1.52
SAB	51.10	-2.67%	-0.37	1.28
BVH	71.30	-3.26%	-0.37	0.74

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	105.80	-5.96%	-0.82	0.23
DTK	12.80	-4.48%	-0.22	0.68
HUT	16.00	-1.23%	-0.12	1.07
NTP	70.50	-1.54%	-0.10	0.17
DHT	70.00	-2.64%	-0.09	0.09

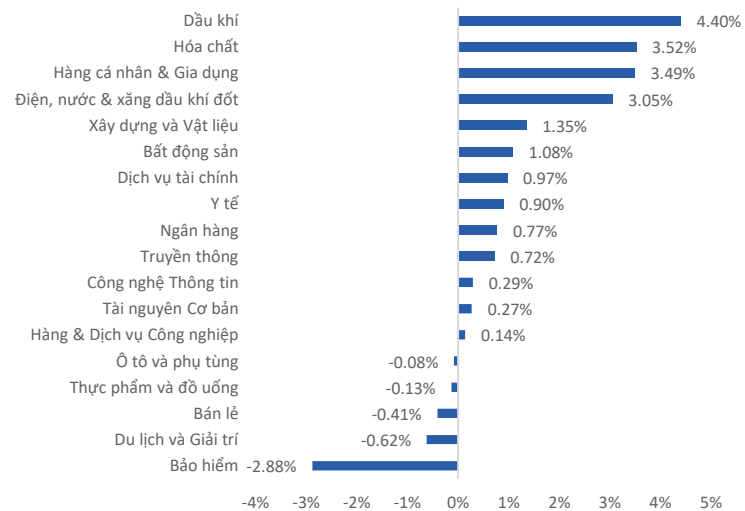
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TNC	30.50	-6.87%	-0.01	0.00
CMV	10.20	-6.85%	0.00	0.00
PMG	10.45	-6.70%	-0.01	0.00
HID	5.48	-6.64%	-0.01	1.22
SVD	3.95	-5.73%	0.00	0.01

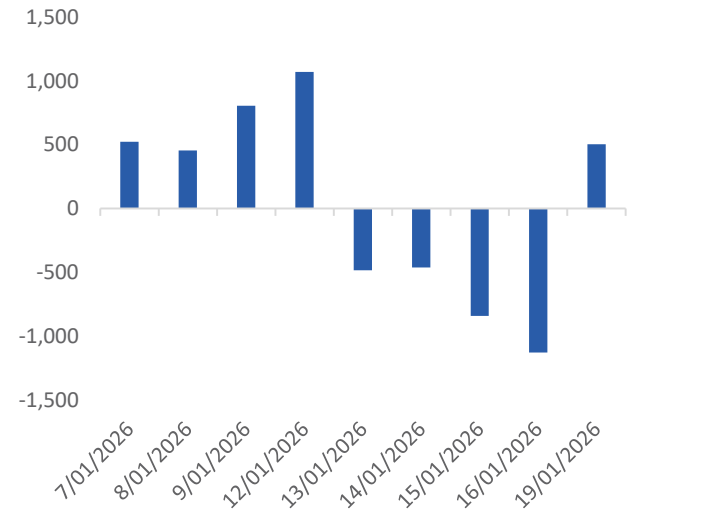
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCC	10.00	-9.91%	-0.10	0.06
VHL	12.00	-9.77%	-0.12	0.01
TPP	11.10	-9.76%	-0.28	0.01
CAN	28.00	-9.68%	-0.06	0.00
VCM	8.40	-9.68%	-0.04	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	86.7	-0.3%	1.2	127,756	287.1	3,957	22.0		47.9%	
KBC	Bất động sản	38.0	6.7%	1.4	33,526	767.5	1,872	19.0		10.3%	
KDH	Bất động sản	29.3	-1.5%	1.2	33,386	162.1	857	34.7		27.8%	
PDR	Bất động sản	17.8	1.7%	1.8	17,462	175.0	211	83.1		8.4%	
VHM	Bất động sản	125.0	0.7%	1.0	509,730	654.7	6,133	20.2		8.6%	
FPT	Công nghệ Thông tin	105.8	0.5%	0.7	179,379	1619.9	5,280	19.9		39.3%	
BSR	Dầu khí	20.8	3.2%	0.0	100,897	466.0	413			1.3%	
PVS	Dầu khí	39.5	2.6%	1.5	19,690	276.9	2,841	13.6		14.7%	
HCM	Dịch vụ tài chính	25.9	-2.3%	1.4	28,619	603.0	1,315	20.2		34.7%	
SSI	Dịch vụ tài chính	32.7	0.0%	1.4	81,334	767.5	1,840	17.8		33.4%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.8	0.3%	1.2	29,498	232.8	1,564	22.2		17.0%	
DCM	Hóa chất	35.1	-0.3%	1.2	18,635	69.0	3,578	9.8		3.8%	
DGC	Hóa chất	65.1	-1.4%	1.0	25,065	234.4	8,296	8.0		5.9%	
ACB	Ngân hàng	25.1	1.0%	0.9	127,646	280.9	3,385	7.3		28.5%	
CTG	Ngân hàng	40.0	1.0%	1.2	307,571	542.0	4,292	9.2		25.7%	
HDB	Ngân hàng	28.8	1.1%	1.2	142,400	9325.4	3,008	9.5		23.2%	
MBB	Ngân hàng	27.5	1.7%	1.2	217,888	750.7	3,017	9.0		21.8%	
MSB	Ngân hàng	12.7	0.8%	0.9	39,156	89.7	1,729	7.3		29.4%	
STB	Ngân hàng	58.3	-0.2%	1.0	110,097	519.8	6,519	9.0		13.8%	
TCB	Ngân hàng	36.3	1.4%	1.1	253,687	368.0	3,111	11.5		22.5%	
TPB	Ngân hàng	17.4	-0.3%	1.2	48,268	88.1	2,358	7.4		24.9%	
VCB	Ngân hàng	72.7	-0.4%	1.0	609,964	621.1	4,202	17.4		21.5%	
VIB	Ngân hàng	18.2	-0.3%	0.9	61,953	101.4	2,225	8.2		5.0%	
VPB	Ngân hàng	29.7	2.6%	1.3	229,290	906.6	2,603	11.1		24.9%	
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.7	0.4%	1.2	211,843	1135.1	1,876	14.7		20.1%	
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.8	0.6%	1.5	10,370	51.4	1,184	14.1		4.8%	
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.0	0.0%	1.0	10,776	110.9	4,150	6.8		2.4%	
MSN	Thực phẩm và đồ uống	80.2	-1.5%	1.3	117,698	515.9	2,196	37.1		22.9%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	70.6	1.4%	0.5	145,461	723.8	4,160	16.7		50.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	46.2	0.33%	1.3	10,174	109.2	2,409	19.1	22.0%		
FRT	Bán lẻ	153.4	-1.03%	0.7	26,397	46.3	3,620	42.8	32.1%		
BVH	Bảo hiểm	71.3	-3.26%	1.1	54,709	97.6	3,578	20.6	26.6%		
DIG	Bất động sản	16.3	0.62%	1.5	12,862	97.3	516	31.3	3.4%		
DXG	Bất động sản	15.7	-1.26%	1.5	17,687	193.4	397	40.1	24.8%		
HDC	Bất động sản	21.4	0.23%	1.5	4,255	49.6	2,445	8.7	3.0%		
HDG	Bất động sản	26.3	0.00%	1.5	9,712	48.7	938	28.0	19.7%		
IDC	Bất động sản	43.2	9.92%	1.6	14,914	455.7	4,849	8.1	11.7%		
NLG	Bất động sản	30.1	-1.79%	1.4	14,868	89.4	2,177	14.1	43.6%		
SIP	Bất động sản	59.0	3.15%	1.1	13,849	78.3	5,474	10.5	3.2%		
SZC	Bất động sản	33.1	5.93%	1.2	5,616	97.7	1,763	17.7	2.8%		
TCH	Bất động sản	16.0	0.63%	1.5	14,503	86.5	801	19.9	10.7%		
VIC	Bất động sản	162.0	1.31%	0.8	1,232,194	1669.3	1,147	139.4	3.1%		
VRE	Bất động sản	32.0	0.00%	1.1	72,714	272.8	2,144	14.9	13.5%		
CMG	Công nghệ Thông tin	37.0	-2.37%	1.2	8,827	25.9	1,680	22.6	38.2%		
PLX	Dầu khí	55.6	6.92%	1.0	66,071	645.2	2,090	24.9	14.8%		
PVD	Dầu khí	29.3	1.38%	1.1	16,065	147.5	1,602	18.0	10.9%		
FTS	Dịch vụ tài chính	33.9	-1.02%	1.3	11,868	42.2	1,262	27.1	25.1%		
MBS	Dịch vụ tài chính	27.5	0.36%	1.7	18,048	122.0	1,887	14.5	2.0%	15.2%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	105.8	6.01%	1.1	240,812	466.4	5,014	19.9	2.2%		
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.3	0.00%	1.2	43,717	140.0	676	21.1	5.0%		
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.3	-0.63%	0.6	34,504	48.3	4,776	13.3	49.0%		
VJC	Du lịch và Giải trí	185.0	0.54%	0.7	108,856	272.9	2,897	63.5	7.3%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	41.5	1.72%	1.7	36,818	410.7	2,313	17.6	8.8%		
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63.8	-0.16%	1.2	27,253	71.4	3,494	18.3	40.3%		
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.5	-0.17%	0.9	9,726	63.3	6,185	9.3	7.3%		
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.6	0.00%	1.0	9,681	62.6	2,090	9.9	10.3%		
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	122.0	0.00%	0.0	14,858	192.7	3,139	38.9	5.0%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	114.2	6.04%	1.1	36,742	328.1	6,909	15.6	48.9%		
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.9	-0.18%	0.9	3,126	39.0	2,535	11.0	48.5%		
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.4	-1.45%	1.5	2,665	27.7	3,163	6.5	16.9%	20.1%	
DPM	Hóa chất	24.2	0.41%	1.2	16,386	66.0	1,212	19.9	3.9%		
GVR	Hóa chất	38.0	5.85%	1.4	143,600	351.8	1,569	22.9	0.5%		
EIB	Ngân hàng	23.1	0.43%	1.1	42,843	162.1	1,635	14.1	3.1%		
LPB	Ngân hàng	41.6	-0.48%	0.4	124,719	36.1	3,469	12.0	0.8%		
NAB	Ngân hàng	14.8	-0.67%	0.0	25,478	97.7	2,337	6.4	1.7%		
OCB	Ngân hàng	12.1	-0.41%	0.8	32,223	16.3	1,460	8.3	19.8%		
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.8	-2.17%	1.4	7,228	99.1	571	28.3	5.3%		
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.6	5.14%	1.2	6,989	49.4	2,829	9.3	3.6%		
BAF	Thực phẩm và đồ uống	38.9	-0.64%	0.5	11,887	93.0	1,715	22.8	3.7%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	51.1	-2.67%	0.5	67,335	153.7	3,373	15.6	58.4%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	63.0	4.83%	1.0	13,490	164.2	6,944	8.7	19.7%		
BMP	Xây dựng và Vật liệu	169.8	-2.13%	0.2	14,203	62.0	14,639	11.9	85.1%		
CTD	Xây dựng và Vật liệu	77.0	0.52%	1.2	8,158	47.1	6,245	12.3	49.0%		
CTR	Xây dựng và Vật liệu	102.8	0.19%	1.2	11,736	135.8	5,128	20.0	5.4%		
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.3	0.71%	1.4	4,234	32.8	3,037	13.8	6.6%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.0	1.17%	1.2	7,004	84.4	1,098	11.7	10.6%		
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.1	-2.03%	1.0	10,118	118.3	1,377	17.9	13.8%		
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.6	1.29%	1.0	15,063	177.6	6,148	3.8	4.6%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	50.0	4.06%	1.5	21,521	100.6	3,090	15.5	2.5%		

Nguồn: FiinPro-X, BSC
 Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>